

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 12 - 2019.
V/v “Tranh chấp kiện xin ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và ông Đặng Văn Trữ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 1, phường HBT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Tổ 2, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Lê Quý T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 1, phường HBT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị H; vắng mặt anh T không có lý do).

NHẬN THẤY

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung, các lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Lê Quý T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/10/2007 tại Ủy ban nhân dân phường HBT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 02 năm. Khi cưới gia đình hai bên có tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình chồng, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nhiều lần mâu thuẫn anh T còn đánh đập chị. Mặt khác do anh T bị mắc tệ nạn xã hội nghiện ma túy, chị và gia đình đã động viên anh T đi cai nghiện nhiều lần nhưng được một thời gian anh T lại tái nghiện. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài chị không chịu đựng được nên từ tháng 8/2018 đến nay chị và các con chung đã ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Lê Quý T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Yến N (con gái), sinh ngày 08/10/2008 và Lê Quý Đ (con trai), sinh ngày 16/3/2015. Hiện nay cả hai cháu đang do chị nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị H xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện chị H không có thai nghén gì.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Lê Quý T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý. Mặc dù anh T vẫn có mặt tại nơi cư trú nhưng anh T từ chối khai báo, từ chối lên Tòa án làm việc và có quan điểm không đồng ý ly hôn với chị H. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

* Ý kiến của bà Hà Thị Chử (là mẹ đẻ anh Lê Quý T): Quá trình vợ chồng chị H anh T sống chung với bà thì bà thấy vợ chồng anh chị hay mâu thuẫn cãi nhau, có lần căng thẳng xô sát đánh nhau. Nguyên nhân chủ yếu do anh T mắc tệ nạn xã hội nghiện ma túy, bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Đến tháng 8/2018 chị H đã đưa hai con chung về quê ngoại để ở, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh T thì bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị để chị H đỡ khổ. Vợ chồng chị H và anh T có hai con chung là Lê Yến N (con gái), sinh ngày 08/10/2008 và Lê Quý Đ (con trai), sinh ngày 16/3/2015, từ tháng 8/2018 đến nay cả hai cháu do chị H nuôi dưỡng. Nếu chị H và anh T ly hôn bà đề nghị giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng vì anh T không có điều kiện và khả năng nuôi con, bản thân anh T còn đang phải sống dựa vào bà.

* Nguyên vọng của cháu Lê Yến N: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với mẹ để mẹ chăm sóc và nuôi dạy cháu.

* Quan điểm của chính quyền địa phương: Về vấn đề hôn nhân và giải quyết con chung của vợ chồng anh T chị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị Trịnh Thị H giữ nguyên quan điểm như đã khai tại Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Thị H.

- Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Lê Quý T.

- Về con chung: Giao chị Trịnh Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung của vợ chồng là Lê Yến N (con gái), sinh ngày 08/10/2008 và Lê Quý Đ (con trai), sinh ngày 16/3/2015 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Lê Quý T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lê Quý T có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại tổ 1, phường HBT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28;

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Trịnh Thị H và anh Lê Quý T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng là bị đơn tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập phiên tòa cho anh Lê Quý T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

[3] Cuộc hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Lê Quý T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/10/2007 tại Ủy ban nhân dân phường HBT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị H, thì thấy:

Sau kết hôn vợ chồng chị H và anh T đã có thời gian chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã có hai con chung. Quá trình sống chung vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn va chạm, nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nhiều lần mâu thuẫn anh T còn đánh đập chị. Mặt khác do anh T mắc tệ nạn xã hội nghiện ma túy, chị và gia đình đã động viên anh T đi cai nghiện nhiều lần nhưng được một thời gian anh T lại tái nghiện. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, nay chị H vẫn kiên quyết đề nghị được ly hôn với anh T. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ được, nên xử cho chị H ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị H và anh T có hai con chung là Lê Yến N (con gái), sinh ngày 08/10/2008 và Lê Quý Đ (con trai), sinh ngày 16/3/2015. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cả hai cháu đang do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay chị H có chỗ ở, có việc làm và thu nhập ổn định trong khi anh T không có thu nhập để đảm bảo điều kiện nuôi con. Mặt khác, anh T đang phải sống phụ thuộc vào mẹ đẻ. Nguyên vọng của cháu Lê Yến N cũng xin được ở với chị H khi bố mẹ ly hôn, còn cháu Lê Quý Đ còn nhỏ cần sự chăm sóc giáo dục thường xuyên của mẹ. Vì vậy, để không gây xáo trộn về cuộc sống cũng như tâm lý của trẻ, và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các cháu, cần giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Con nuôi, con riêng: Không có. Hiện chị H không có thai nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Lê Quý T.

[2] Về con chung: Giao chị Trịnh Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng là Lê Yến N (con gái), sinh ngày 08/10/2008 và Lê Quý Đ (con trai), sinh ngày 16/3/2015 cho đến khi cháu N và cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lê Quý T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trịnh Thị H.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị H được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0002223 ngày 18/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị H đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Chị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được được yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND phường Hai Bà trung, TP Phủ Lý;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên